

# 《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡  
www.yes-chinese.com

姓名: \_\_\_\_\_

听写七

tù zǐ (rabbit)

兔 子

cháng jǐng lù (giraffe)

长 颈 鹿

hé mǎ (hippo)

河 马

dà xiàng (elephant)

大 象

lǎo hǔ (tiger)

老 虎

# 《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡  
www.yes-chinese.com

姓名: \_\_\_\_\_

shī zi (lion)

狮

子

xióng māo (panda)

熊

猫

sōng shǔ (squirrel)

松

鼠

huàn xióng (raccoon)

浣

熊

hóu zi

猴

子

# 《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡  
www.yes-chinese.com

姓名: \_\_\_\_\_

láng (wolf)

狼

dà xīng xīng (gorilla)

大猩猩

shé (snake)

蛇

zhī zhū (spider)

蜘蛛

wěi bā (tail)

尾巴

